

Đảm bảo an toàn và phát triển BHXH một cách bền vững cấp bậc hiện nay là: phải thực hiện giải pháp xử lý dứt điểm và ngăn ngừa các hành vi gian lận, nợ đọng, trục lợi... quỹ BHXH và đầu tư quỹ có hiệu quả thông qua việc hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế phối hợp hành động của cơ quan BHXH với các bên có liên quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại... để cung cấp thông tin và phối hợp hành động xử lý các đối tượng vi phạm. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vụ việc phát hiện qua thanh tra đối với việc thực hiện thu, chi, xử lý nợ đọng, gian lận quỹ BHXH cần được tổ chức thực hiện thường xuyên, phát hiện và xử lý kịp thời, dứt điểm có hiệu quả, bổ sung chế tài xử phạt có tính chất răn đe rõ rệt các đối tượng vi phạm như các đối tượng trốn thuế, nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Quản lý hồ sơ tham gia BHXH của người lao động và người sử dụng lao động một cách chặt chẽ để vừa xử lý được các đối tượng chiếm dụng BHXH đã thu của người lao động, vừa tạo cơ sở để chi trả BHXH một cách kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng cho người được thụ hưởng BHXH, củng cố niềm tin cho các đối tượng tham gia BHXH ■

**Tài liệu tham khảo**

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2010), Chiến lược phát triển BHXH Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.
2. Các báo cáo tổng kết năm của BHXH Việt Nam từ 2007 đến 2011.
3. Luật BHXH, BHYT, các văn bản hướng dẫn Luật BHXH, BHYT.
4. Chính phủ (2007), Nghị định số 135/2007/NĐ - CP ngày 16/8/2007 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.
5. Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính (1998), Thông tư liên bộ số 11/TT - LB ngày 16 tháng 6 năm 1998 hướng dẫn thu nộp BHXH do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1994), Bộ Luật Lao động, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Tổng Công đoàn Việt Nam (1962), Quyết định số 364 ngày 02/4/1962 về nguyên tắc quản lý và chi tiết về nội dung thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội Nhà nước.
8. Cổng thông tin điện tử của BHXH Việt Nam

# Giải pháp kiềm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế bền vững

PHẠM MINH QUANG

**KIỂM CHẾ LẠM PHÁT LUÔN LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ KHÓ KHĂN, NHẤT LÀ HIỆN NAY, KHI QUAN ĐIỂM CHÍNH SÁCH CỦA NƯỚC TA THEO ĐỊNH HƯỚNG LẠM PHÁT THẤP, TĂNG TRƯỞNG HỢP LÝ VÀ ƯU TIÊN CẢ HAI MỤC TIÊU NÀY NHƯ NHAU. MUỐN LÀM ĐƯỢC ĐIỀU NÀY, CÁC NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH CẦN CÓ NHỮNG CHÍNH SÁCH VĨ MÔ HỢP LÝ TRONG DÀI HẠN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CĂN CỐ ĐỂ LẠM PHÁT LUÔN ỔN ĐỊNH Ở MỨC THẤP VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỘT CÁCH BỀN VỮNG.**

**Thực trạng lạm phát và tăng trưởng của Việt Nam**

Việt Nam bắt đầu đổi mới nền kinh tế từ năm 1986 với những bước phát triển to lớn và tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới và đã đạt được nhiều tiến bộ trong cải cách vĩ mô, đã có những bước tăng trưởng ngoạn mục, góp phần đáng kể trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên, do quá tập trung vào tăng trưởng kinh tế trong một thời gian dài nên lạm phát đã có những biến động khó lường và dao động trong biên độ lớn hoặc có thời kỳ lại quá thất chặt một số chính sách nhằm kiềm chế lạm phát khiến nền kinh tế rơi vào trì trệ.

Bằng chứng là, giai đoạn từ năm 1991-1995, nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, trung bình tăng khoảng 8,2%/năm nhưng lạm phát lại tăng khoảng 20%/năm. Đây là giai đoạn mà nền kinh tế đã lấy lại được đà tăng trưởng, khắc phục được sự trì trệ, suy thoái mà lạm phát cao của những năm 1986-1990 gây nên.

Giai đoạn từ năm 1996-2000, là bước phát triển quan trọng của thời kỳ mới, Chính phủ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặc dù chịu tác động của khủng hoảng tài chính thế giới cùng thiên

tai nghiêm trọng xảy ra liên tiếp, nước ta vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 8%/năm; lạm phát thấp, ổn định và giảm dần, khoảng 3,6%/năm.

Giai đoạn từ năm 2001-2005, nền kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng cao, liên tục, tăng trưởng bình quân đạt 7,2%/năm. Lạm phát được kiểm chế ở mức một con số, tăng bình quân 5,14%/năm.

Giai đoạn từ năm 2005-2010, mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra, nhưng Việt Nam vẫn thu hút được vốn đầu tư nước ngoài nên tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân vẫn đạt 7,33%, tuy nhiên lạm phát lại tăng nhanh, biến động mạnh và không ổn định, trung bình đạt khoảng 11,4%/năm.

Năm 2011, lạm phát tăng cao lên mức hơn 18% và giảm đột ngột xuống mức 6,8% vào năm 2012. Tăng trưởng bình quân của hai năm này chỉ ở mức 5,46%. Để có thể giảm lạm phát và giữ mức tăng trưởng hợp lý vào hai năm này là nhờ những quyết sách đúng đắn của Chính phủ, trong đó có Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 về những giải pháp tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã có những chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận





trọng và linh hoạt để điều hành thị trường tiền tệ một cách hợp lý góp phần kiểm chế lạm phát xuống mức một con số và ổn định thị trường tiền tệ.

Theo TS. Nguyễn Thạc Hoát-Trưởng khoa Tài chính Tiền tệ, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chu kỳ vòng xoáy tăng trưởng thấp và lạm phát cao ở Việt Nam được lặp đi lặp lại trong suốt cả thời kỳ từ trước đến nay với chu kỳ ngày càng rút ngắn. Đặc biệt, từ năm 2004 đến nay, hình thành vòng xoáy ba năm một lần, theo đúng quy luật, lạm phát hai năm tăng, một năm giảm. Khi lạm phát cao, nếu muốn giảm lạm phát quá nhanh và quá thấp thì buộc phải thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ thắt chặt, làm tổng cầu giảm đột ngột và sâu. Hậu quả, giảm tổng cầu làm suy thoái kinh tế và giảm tăng trưởng kinh tế. Khi kinh tế suy thoái lại lặp lại chính sách tăng trưởng cao và vòng xoáy lạm phát cao và tăng trưởng thấp không bao giờ dứt.

Cơ chế hình thành vòng xoáy này ở Việt Nam là do chính sách tăng trưởng cao làm cho tổng cầu tăng nhanh, tất yếu tăng giá và áp lực tăng lạm phát cầu kéo. Không chỉ vậy, yêu cầu tăng trưởng cao sẽ tạo ra áp lực tăng trưởng tín dụng và cung tiền cao, tạo ra lạm phát tiền tệ. Lạm phát cầu kéo cộng hưởng với lạm phát tiền tệ và lạm phát cơ cấu sẽ làm bùng phát lạm phát cao.

#### Nguyên nhân gây lạm phát ở Việt Nam trong những năm qua

Lạm phát cao trong nhiều năm gần đây đã khiến tăng trưởng kinh tế suy

giảm, gây nhiều hệ lụy cho nền kinh tế. Nguyên nhân của lạm phát ở nước ta trong những năm qua được xác định bởi một số yếu tố sau:

*Thứ nhất*, do cung tiền và tăng trưởng tín dụng quá mức. Cung tiền nở rộ quá mức trong những năm qua là một trong những nguyên nhân gây nên lạm phát cao. Trên thực tế, tốc độ tăng cung tiền đã cao hơn tốc độ tăng GDP theo giá thực tế đã tồn tại trong một thời gian dài. Nếu như năm 2000, tổng phương tiện thanh toán (M2) của Việt Nam ở mức khoảng 60% GDP, thì đến cuối năm 2010, đã tăng lên mức trên 130% GDP. Trung bình cung tiền M2 và tín dụng đã tăng 31,17%/năm và 35,17%/năm trong giai đoạn 2004-2010. Chính vì vậy, dẫn đến lạm phát năm 2010 và 2011 tăng cao. Đến năm 2012, nhờ thực hiện quyết liệt và đồng bộ hàng loạt các giải pháp, tốc độ tăng trưởng M2 cả năm chỉ khoảng 20% và tín dụng tăng khoảng 7%, nên lạm phát đã giảm mạnh so với năm 2011.

*Thứ hai*, lạm phát do "chi phí đẩy": Chi phí sản xuất, cùng với giá cả hàng hóa tăng trong thời gian vừa qua cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tăng giá thành và giá bán sản phẩm, từ đó gây nên lạm phát. Năm 2011, chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất tăng bình quân 21,3% so với cùng kỳ năm 2010, cao hơn so với tốc độ tăng CPI. Chi phí sản xuất tăng một phần là do việc tăng giá điện, xăng dầu... theo lộ trình, mặt khác do giá hàng hóa nhập khẩu vào nước ta tăng trong các năm gần

đây. Lãi suất vay vốn lại ở mức cao, nhất là trong năm 2011, cũng làm tăng giá thành sản phẩm và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*Thứ ba*, lạm phát do "cầu kéo": Bội chi ngân sách các năm từ năm 2006-2010 đều ở mức trên 5% GDP (trừ năm 2008 ở mức 4,6%). Năm 2011 và năm 2012, Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước và giảm nợ công để kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Việc thực hiện các giải pháp này đã và đang thu được những kết quả bước đầu trong kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

*Thứ tư*, là nguyên nhân về kỳ vọng lạm phát: Yếu tố kỳ vọng lạm phát đóng vai trò quan trọng liên quan mật thiết đến diễn biến lạm phát cũng như tác động nhiều đến các nỗ lực kiểm soát lạm phát. Thực tế ở Việt Nam chỉ ra rằng, ký ức về lạm phát trong quá khứ, tâm lý của người dân cho rằng, giá cả đã tăng thì khó có thể điều chỉnh giảm về mức ban đầu, kỳ vọng đẩy giá hàng hóa gia tăng trước các tin đồn về tăng giá năng lượng, lương thực, lương... khiến cho các nỗ lực kiểm soát lạm phát càng khó khăn khi lạm phát đã bắt đầu tăng cao, nhưng lại khó kiểm soát ở mức ổn định khi lạm phát ở mức thấp. Như vậy, lạm phát kỳ vọng là yếu tố nhạy cảm và khó kiểm soát.

*Thứ năm*, là do về cơ cấu kinh tế, cơ



cấu và hiệu quả đầu tư: Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến mất cân đối vĩ mô và đẩy lạm phát tăng cao trong thời kỳ vừa qua. Những yếu kém trong nội tại nền kinh tế do cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư bất hợp lý và kém hiệu quả, kéo dài, tích tụ trong nhiều thời kỳ. Nền kinh tế phát triển theo chiều rộng và dựa quá nhiều vào tăng vốn đầu tư; công nghệ lạc hậu, năng suất thấp. Cơ cấu ngành, lĩnh vực chậm được chuyển đổi; tình trạng gia công kéo dài quá lâu, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, hàng hóa xuất khẩu chủ yếu dựa vào vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài. Bên cạnh đó, việc chính giảm giá trị đồng nội tệ để khuyến khích sản xuất, hạn chế nhập khẩu cũng phần nào làm tăng giá thành sản xuất, đẩy giá bán lẻ lên cao. Sự mất cân đối về cán cân thương mại cũng gây thiếu hụt ngoại tệ, tác động đến giá cả, lạm phát trong nước.

Theo TS. Nguyễn Thị Kim Thanh, Viện trưởng Viện Chiến lược-Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nguyên nhân dẫn đến lạm phát tại Việt Nam giai đoạn vừa qua là sự tổng hòa của rất nhiều nhân tố: yếu tố chi phí đẩy, yếu tố cầu kéo, yếu tố tiền tệ, yếu tố tỷ giá,... Trong đó, yếu tố tiền tệ đã đóng một vai trò chính khi vốn là một trong những nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định đến tăng trưởng kinh tế. Nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội không ngừng gia tăng qua các năm, song các nguồn lực nội tại sẵn sàng để đáp ứng cho nhu cầu này vẫn còn rất hạn chế, đặc

biệt khi tình trạng mất cân bằng giữa tiết kiệm và đầu tư còn hiện hữu ngày càng có khoảng cách tại Việt Nam. Áp lực để bù đắp cho những thiếu hụt về vốn cho phát triển kinh tế đã dồn lên vai của hệ thống ngân hàng, chi ngân sách Nhà nước thông qua việc phát hành tiền và đưa tín dụng ra nền kinh tế.

#### Giải pháp kiềm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế bền vững tại Việt Nam tới năm 2020

*Thứ nhất*, tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ, tài khóa chặt chẽ và linh hoạt. Tuy hệ thống quản lý tiền tệ chặt chẽ nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô của Việt Nam được đánh giá là đồng bộ, nhất quán nhưng vẫn cần có sự phối hợp đồng bộ hơn nữa giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại, các định chế tài chính trung gian khác và kể cả ngân sách nhà nước trong việc bảo đảm các thanh khoản của nền kinh tế. Đây là giải pháp trung tâm và có tính quyết định trong việc kiềm chế lạm phát, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, phù hợp với trong thời điểm hiện nay.

*Thứ hai*, cần điều hành tốt chính sách tài khóa, trong đó nâng cao hiệu quả chi tiêu công, thắt chặt tiết kiệm các khoản chi phí nhằm kiềm chế lạm phát. Thực tế đã chỉ ra, nguồn gốc của lạm phát ở Việt Nam chủ yếu do chính sách tài khóa. Chính vì vậy, Việt Nam cần giải quyết căn bản bài toán lạm phát đó là xử lý vấn đề tài khóa, chứ không phải chỉ là vấn đề tiền

tệ, trong đó mấu chốt là cắt giảm và nâng cao hiệu quả đầu tư công.

*Thứ ba*, cần tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành với các địa phương, Chính phủ với doanh nghiệp, để tạo hợp lực, khắc phục tình trạng thao túng của lợi ích nhóm gây chia cắt nền kinh tế, tăng khả năng hợp tác phát triển, khai thác cơ hội theo hướng có lợi cho quốc gia. Chính phủ tiếp tục thực hiện.

*Thứ tư*, trong năm 2013 và những năm tiếp theo, Chính phủ tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với các mặt hàng chiến lược như điện, xăng, dầu... và dịch vụ công theo lộ trình phù hợp với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô và tăng trưởng hợp lý. Bảo đảm công khai minh bạch trong điều hành giá các mặt hàng Nhà nước định giá để tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội.

*Thứ năm*, tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nhằm đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất, đặc biệt là các ngành công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện các chính sách hạn chế nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu, góp phần kiềm chế lạm phát.

*Thứ sáu*, cần có các biện pháp kích cầu nội địa, đặc biệt là kích cầu khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực xuất khẩu chủ lực để tạo đà chiếm lĩnh thị trường nước ngoài trong điều kiện nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi. Lấy xuất khẩu và kích cầu nội địa làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2013, đạt mục tiêu giai đoạn 2011-2015, định hướng tới năm 2020.

Đảm bảo mục tiêu kiềm chế lạm phát, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững đạt mục tiêu giai đoạn 2011-2015 là nhiệm vụ khó khăn. Nhưng với những giải pháp đồng bộ của Chính phủ và sự chung tay của các Bộ, ngành thì trong thời gian không xa, việc kiềm chế lạm phát một cách ổn định sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển một cách bền vững ■



Cần có các biện pháp kích cầu nội địa, đặc biệt là kích cầu khu vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa